

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành
Ông Nguyễn Tiến Sửu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Trần Lệ X, sinh năm 1998, (có mặt)

-*Bị đơn:* anh Lê Văn L, sinh năm 1995, (có mặt)

Đều cư trú: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20/02/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Lệ X trình bày:

Chị và anh L kết hôn ngày 27/3/2018, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, đến đầu năm 2004 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình có dàn xếp nhưng vợ chồng không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 01/3/2019, hiện nay đang ở với anh L. Quá trình giải quyết chị xin nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/tháng đến khi con

đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm tự do thu nhập khoảng từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, quá trình vợ chồng sống ly thân như chị X trình bày là đúng. Nay chị X xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị X trình bày là đúng, hiện con đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin nuôi con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đi làm công ty thu nhập bình quân khoảng 9.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Trần Lệ X được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao cho anh Lê Văn L nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 01/3/2019, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị X, anh L không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị X tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Lệ X, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Văn L, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Lệ X và anh Lê Văn L là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Quá trình

vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh L, anh L đồng ý. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị X và anh L đều xác định tình cảm không còn đều xin thuận tình ly hôn. Do vậy đề nghị của chị X xin ly hôn anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 01/3/2019 hiện đang ở với anh L. Quá trình giải quyết chị X xin nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi, tại phiên tòa chị xin nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh L xin nuôi con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị X và anh L đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Hiện nay cháu N là con gái và còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Tuy nhiên từ khi anh chị sống ly thân cháu N vẫn đang ở cùng anh L. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung sau ly hôn, tránh sự sáo trộn nên giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc anh L không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị X, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Lệ X tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

1.Xử: Cho chị Trần Lệ X được ly hôn anh Lê Văn L.

2.Về con chung: Giao cho anh Lê Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Trần Bảo N, sinh ngày 01/3/2019, hiện đang ở cùng anh. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị X, anh L không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Lệ X tự nguyện chịu 150.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000220 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Trả lại chị X 150.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch
- THA Lập Thạch.
- UBND xã Quang Sơn
- Các đương sự
- Lưu hai bản.

Trần Thị Huệ

